

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Trong phần *Tri thức ngữ văn* của SHS, một số khái niệm công cụ đã được giải thích ngắn gọn, đơn giản, phù hợp với mục tiêu cần đạt và mức độ tiếp nhận của HS lớp 6. SGK bổ sung tri thức ngữ văn để GV tham khảo, không cần sử dụng cho HS.

Các yếu tố cơ bản của truyện (cốt truyện, người kể chuyện, nhân vật)

– *Cốt truyện* là hệ thống các sự kiện cụ thể, được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có mở đầu, diễn biến và kết thúc. Cốt truyện cổ điển thường được tổ chức theo quan hệ nhân quả, với 5 thành phần: *trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút*. Cốt truyện hiện đại có xu hướng thoát khỏi mô hình nhân quả và phá vỡ tính liên tục về thời gian.

Cốt truyện vừa là phương tiện khám phá tính cách nhân vật, tái hiện bức tranh đời sống, phản ánh xung đột xã hội vừa tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Hiểu nội dung và kết cấu cốt truyện là điều kiện đầu tiên để hiểu nhân vật và chủ đề của tác phẩm.

– *Người kể chuyện* là nhân vật do tác giả tạo ra để kể câu chuyện. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) là nhân vật trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, kể về những gì mình chứng kiến hoặc tham gia nên không chỉ kể mà còn có thể bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ. Người kể chuyện ngôi thứ ba lại “giấu mình” khiến người đọc có cảm giác câu chuyện như đang tự nó diễn ra.

Mỗi loại ngôi kể đều có thể mạnh và giới hạn nhất định. Ngôi kể thứ nhất gắn liền với phạm vi hiểu biết, quan điểm của một người; trong khi ngôi kể thứ ba lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện. Hai loại ngôi kể này có thể kết hợp, đan cài trong truyện kể hiện đại. Chẳng hạn, người kể chuyện trong tác phẩm *Hoàng tử bé* là nhân vật “tôi” (người kể ngôi thứ nhất) nhưng trong nhiều chương truyện lại không xuất hiện khiến câu chuyện như được kể bằng ngôi thứ ba; hoặc có lúc chuyển sang ngôi kể là nhân vật hoàng tử bé... Lời kể của người kể chuyện không chỉ tái hiện bức tranh đời sống mà còn ẩn chứa cách nhìn nhận, đánh giá về bức tranh đời sống ấy. Vì vậy, khi đọc hiểu VB truyện, cần xác định rõ ngôi kể, giọng điệu và vị trí của người kể chuyện.

– *Nhân vật* là con người, thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của truyện kể, gắn chặt với chủ đề tác phẩm và thể hiện lí tưởng thẩm mĩ, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người. Vì thế, tên tuổi, sự nghiệp sáng tác của nhà văn thường “song hành” với những nhân vật mà họ xây dựng.

Nhân vật thường được miêu tả bằng các chi tiết ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác,... Khi đọc hiểu VB truyện, GV cần hướng dẫn HS xác định được nhân vật là ai, có vị trí như thế nào, được miêu tả với những đặc điểm gì và biết lựa chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật. Các loại chi tiết miêu tả nhân vật sẽ được tìm hiểu cụ thể hơn ở bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*.

Một số đặc điểm của truyện đồng thoại

– *Truyện đồng thoại* là thể loại truyện viết cho trẻ em, với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Thế giới trong truyện đồng thoại được tạo dựng không theo quy luật tả thực mà giàu chất tưởng tượng. Các tác giả truyện đồng thoại sử dụng “tiếng chim lời thú” ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ.

– Nhân vật đồng thoại vừa được miêu tả với những đặc tính riêng, vốn có của loài vật, đồ vật vừa mang những đặc điểm tính cách của con người. Vì vậy, truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Nguồn chất liệu rộng mở (từ các loài cỏ cây, loài vật, loài người đến đủ loại đồ vật vô tri – cây cầu, đoàn tàu, cánh cửa, cái kim sợi chỉ,...) khiến nhân vật đồng thoại rất phong phú, đa dạng. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hoá và phóng đại cũng được coi là những hình thức nghệ thuật đặc thù của thể loại này.

Từ đơn và từ phức

– Việc phân loại từ theo cấu tạo ngữ pháp có những giải pháp khác nhau. Tuy nhiên, SHS *Ngữ văn 6* vẫn chọn quan niệm và cách phân loại cấu tạo từ theo quan điểm truyền thống: căn cứ vào số lượng tiếng, từ tiếng Việt thường được chia thành từ đơn và từ phức. Từ phức gồm từ ghép và từ láy.

– GV cần lưu ý cách định nghĩa về từ đơn: “Từ chỉ gồm một tiếng là từ đơn”. SHS nói chung không đi vào những trường hợp phức tạp mà Việt ngữ học chưa giải quyết được thoả đáng và không có nhiều giá trị ứng dụng. Vì vậy, giải pháp xử lí các từ thuần Việt như: *bù nhìn, bồ câu, ếch ương, chèo bẻo*,... hay những từ vay mượn từ các ngôn ngữ Ấn – Âu như:

cà phê, mô tô... không cần đề cập đến trong bài học. Về lí thuyết, chúng tôi coi các từ này là từ phức ngẫu kết (kết hợp ngẫu nhiên), phân biệt với từ láy (từ phức trong đó các tiếng có quan hệ về âm) và từ ghép (từ phức trong đó các tiếng có quan hệ về nghĩa). Nhưng như đã nói, đó không phải là vấn đề nên đưa vào SGK lớp 6.

So sánh

So sánh là thao tác tư duy phổ biến trong khoa học cũng như trong đời sống hằng ngày. So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. Trong giao tiếp, cách nói so sánh thường dựa vào sự tương đồng giữa các sự vật, sự việc, thường dùng từ so sánh *như*. Khi một cách nói có dùng so sánh và tạo ra hiệu quả tu từ, ta có biện pháp tu từ so sánh, chẳng hạn: *Trẻ em như búp trên cành; Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*.

☐ Tài liệu tham khảo

- GV có thể tham khảo kiến thức lí luận văn học ở một số tài liệu sau:
- + Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 2004;
- + Đỗ Đức Hiểu (Chủ biên) – Nguyễn Huệ Chi – Trần Hữu Tá – Phùng Văn Tửu, *Từ điển văn học* (Bộ mới), NXB Thế giới, Hà Nội, 2003;
- + Trần Đình Sử (Chủ biên), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2014.
- Hai VB đọc chính của bài 1 được trích từ hai tác phẩm truyện dài: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài) và *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri). Tuy mỗi đoạn trích trên đều có tính độc lập về nội dung nhưng GV vẫn nên đọc toàn bộ tác phẩm để có thêm tư liệu bổ trợ cho bài học.
- GV có thể đọc thêm và giới thiệu cho HS một số truyện đồng thoại của Việt Nam và thế giới.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh và phim: GV có thể sử dụng một số ảnh, tranh hoặc cảnh phim đặc sắc khi dạy học để tạo hứng thú cho HS nhưng cần lưu ý mức độ, cách thức để tránh tình trạng VB ngôn từ bị “lấn át”.

- Phiếu học tập: GV có thể thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.